

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ**

Số: 41 /CV-NDD

V/v xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-ĐS ngày 01/04/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác; Quyết định số 1104/QĐ-ĐS ngày 24/12/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Văn bản số 328/ĐS-KTKT ngày 27/01/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN, về việc chỉ đạo Người đại diện phần vốn chuẩn bị các nội dung biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú năm 2026. Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cho ý kiến, đề Người đại diện phần vốn thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, với các nội dung sau:

I. Thông qua báo cáo đánh giá tình hình SXKD của Công ty năm 2025

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % thực hiện năm 2025 so với	
						Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024
1	Doanh thu	Tr.đ	278.995	301.316	281.401	93,39%	100,86%
-	Trong công ích	Tr.đ	142.936	152.335	152.335	100,00%	106,58%
-	Ngoài công ích	Tr.đ	136.039	148.981	129.066	86,63%	113,60%
2	Chi phí	Tr.đ	273.486	298.316	277.813	93,13%	101,58%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.510	3.000	3.587	119,57%	65,10%

4	Tỷ lệ trả cổ tức	%	18,0	10,0	10,0	100,00%	55,56%
5	Lương bình quân người lao động/tháng	Tr.đ	11,300	11,507	11,507	100,00%	101,77%

2. Về thực hiện công tác đầu tư, mua sắm:

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Tổng mức đầu tư (Đồng)
1	Máy chèn đường thủy lực	Bộ	02	235.000.000	470.000.000
2	Máy đào bánh xích chạy trên đường sắt khổ 1000mm	Chiếc	02	1.220.000.000	2.440.000.000
	Cộng				2.910.000.000
	VAT 8%				232.800.000
	Cộng				3.142.800.000

3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: doanh thu đạt 281,401 tỷ đồng, đạt 93,39% kế hoạch đề ra; lợi nhuận sau thuế đạt 3,587 tỷ đồng đạt 119,57% so với kế hoạch đề ra. Thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2025 đạt 11,507 (triệu đồng/tháng/người). Tỷ lệ trả cổ tức 10%. Kết quả xóc lắc đạt 27,45 điểm/km (vượt chỉ tiêu tổng công ty giao là 29,52 điểm/km). Tốc độ bình quân 70,74 km/h được giữ vững theo công lệnh. Các công trình hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn.

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo quy định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

- Tiếp tục duy trì công tác lắp đặt thiết bị hệ thống giám sát tại các vị trí mở điểm thi công, đảm bảo tại tất cả các vị trí thi công phải được giám sát thường xuyên, liên tục, với mục đích kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai phạm trong quá trình thi công (nếu có). Đồng thời đưa ra các giải pháp thi công cụ thể nhằm đảm bảo tuyệt đối ATCT.

II. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026:

1.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch dự kiến năm 2026	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	Tr.đ	281.401,0	309.541	110,00%
1.1	Trong công ích	Tr.đ	152.335,0	152.335	100,00%
1.2	Ngoài công ích	Tr.đ	129.066,0	157.206	121,80%
2	Chi phí	Tr.đ	277.814,0	305.541	109,98%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.587,0	4.000,0	111,51%
4	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,0	12,0	120,00%
5	Lương bình quân người lao động/tháng	Tr.đ	11,507	12,658	110,00%

1.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

TT	Hạng mục đầu tư phát triển	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chuyển tiếp năm 2025:				
1	Trung tâm giám sát an toàn (SMC)	T.bộ	01	980.000.000	980.000.000
II	Đầu tư phát triển mới năm 2026:				
1	Máy chèn đường thủy lực	Bộ	02	250.000.000	500.000.000
2	Đại tu máy chèn đường thủy lực	Bộ	06	45.000.000	270.000.000

3	Máy đào bánh xích chạy trên đường sắt khổ 1000mm (Đã qua sử dụng)	Máy	02	1.300.000.000	2.600.000.000
4	Máy đào bánh lốp PC55 (Đã qua sử dụng)	Máy	01	1.200.000.000	1.200.000.000
5	Xe ô tô điện Vinfast VF9	Xe	01	1.400.000.000	1.400.000.000
6	Bộ máy thi công xây dựng dân dụng: phun vữa trát tường, uốn đai sắt thép tự động, xoa nền bê tông...	T.bộ	01	200.000.000	200.000.000
7	Lắp đặt hệ thống camera dọc tuyến (Giai đoạn 1)	TB	01	900.000.000	900.000.000
	Cộng				8.050.000.000
	VAT 8%				644.000.000
	Tổng cộng				8.694.000.000

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030:

2.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Sản lượng	Tr. đồng	334.304	367.735	404.508	305.379	335.916
2	Doanh thu	Tr. đồng	309.541	340.495	374.545	282.758	311.034
-	Sản xuất chính	Tr. đồng	152.335	167.569	184.325	202.758	223.034
-	Khác	Tr. đồng	157.206	172.927	190.219	80.000	88.000
3	Lợi nhuận	Tr. đồng	4.000	4.500	5.000	3.700	4.100
4	Lương bình quân của Người LĐ/tháng	Tr. đồng	12.658	13.670	14.764	15.945	17.221

- Tổng sản lượng 5 năm dự kiến đạt ~ 1.748 tỷ đồng, tương đương mỗi năm bình quân đạt với số tiền ~ 349,6 tỷ đồng; giữ tốc độ tăng trưởng hai con số.

- Tổng doanh thu 5 năm dự kiến đạt ~ 1.618 tỷ đồng; tương đương mỗi năm bình quân đạt với số tiền ~ 323,7,4 tỷ đồng; giữ tốc độ tăng trưởng hai con số.

- Tổng lợi nhuận 5 năm dự kiến đạt ~ 21,3 tỷ đồng, tương đương mỗi năm bình quân với số tiền ~ 4,3 tỷ đồng; giữ tốc độ tăng trưởng hàng năm.

- Thu nhập bình quân trung bình người lao động dự kiến trong 5 năm ~ 14,85 triệu đồng/người/tháng; giữ mức tăng trưởng thu nhập 8-10% hàng năm.

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Trung tâm giám sát an toàn	TB	1	980.000.000	980.000.000	
2	Máy chèn đường thủy lực	Bộ	10	250.000.000	2.500.000.000	
3	Đại tu máy chèn đường thủy lực	Bộ	12	45.000.000	540.000.000	
4	Máy đào bánh xích chạy trên đường sắt khổ 1000mm (đã qua sử dụng)	Máy	4	1.300.000.000	5.200.000.000	
5	Máy đào bánh lốp PC55 (đã qua sử dụng)	Máy	1	1.200.000.000	1.200.000.000	
6	Xe ô tô điện Vinfast VF9	Xe	2	1.400.000.000	2.800.000.000	
7	Bộ máy thi công xây dựng dân dụng: phun vữa trát tường, uốn đai sắt thép tự động, xoa nền bê tông...	TB	1	200.000.000	200.000.000	
8	Máy khoan ray	Máy	4	80.000.000	320.000.000	
9	Máy cắt ray	Máy	4	80.000.000	320.000.000	
10	Xe ô tô bán tải	Xe	4	800.000.000	3.200.000.000	
11	Ô tô tải 20T	Xe	1	1.300.000.000	1.300.000.000	
12	Ô tô tải 30T	Xe	1	1.800.000.000	1.800.000.000	
13	Máy băng tải đá	Máy	1	210.000.000	210.000.000	
14	Lắp đặt hệ thống Camera AN-AT đọc tuyến	TB	1	2.000.000.000	2.000.000.000	
	Cộng				22.570.000.000	

III. Thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2026

a. Thực hiện năm 2025.

1. Lao động bình quân năm thực tế sử dụng: 688,6 người (trong đó Người lao động 683,4 người, Ban điều hành 5,2 người, Thành viên hội đồng chuyên trách 1 người, Kiểm soát viên chuyên trách 01 người).

2. Tổng quỹ lương thực hiện của công ty (không bao gồm tiền ăn giữa ca): **96.871.590.000** đồng, trong đó:

- Tiền lương người lao động **94.365.000.000** đồng.
- Tiền lương Ban điều hành: **1.716.540.000** đồng.
- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát (chuyên trách): **639.180.000** đồng.
- Thù lao của Thành viên hội đồng quản trị, Thành viên ban Kiểm soát viên (không chuyên trách): **96.000.000** đồng.

3. Mức tiền lương thực hiện theo chức danh (đồng/người/tháng):

- Mức tiền lương bình quân người lao động: **11.507.000** đồng
- Mức tiền lương bình quân Ban điều hành: **27.690.000** đồng
- Mức tiền lương của Thành viên Ban điều hành là Người đại diện phần vốn: **34.340.000** đồng.

- Mức tiền lương của Chủ tịch hội đồng quản trị: **35.490.000** đồng

- Mức tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: **24.260.000** đồng.

4. Mức thù lao thực hiện theo chức danh (đồng/người/tháng): **1.600.000** đồng

5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động: **1.039.000.000** đồng

6. Quỹ tiền thưởng của người quản lý: **200.000.000** đồng.

b. Kế hoạch năm 2026.

1. Lao động bình quân năm kế hoạch: 638,7 người (trong đó Người lao động 631 người, Ban điều hành 5,3 người, Thành viên hội đồng chuyên trách 1 người, Kiểm soát viên chuyên trách 1 người).

2. Tổng quỹ lương kế hoạch của Công ty (không bao gồm tiền ăn giữa ca): **98.531.000.000** đồng, trong đó:

- Quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành: **95.781.200.000** đồng
- Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát (chuyên trách): **793.610.000** đồng
- Thù lao của Thành viên hội đồng quản trị, Thành viên ban Kiểm soát (không chuyên trách): **102.000.000** đồng.

3. Mức tiền lương kế hoạch theo chức danh (đồng/người/tháng):

- Mức tiền lương bình quân người lao động: **12.660.000** đồng.
- Mức tiền lương bình quân Ban điều hành: **28.860.000** đồng.

- Mức tiền lương của Thành viên Ban điều hành là Người đại diện phần vốn: **35.970.000** đồng.

- Mức tiền lương của Chủ tịch hội đồng quản trị: **38.190.000** đồng.

- Mức tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát: **27.940.000** đồng.

4. Mức thù lao kế hoạch theo chức danh (đồng/người/tháng):

TT	Chức danh	Số tiền/tháng	Ghi chú
1	Thành viên HĐQT	2.000.000	
2	Thành viên Ban kiểm soát	1.500.000	
3	Thư ký Công ty	1.500.000	

5. Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động **1.062.505.200** đồng.

6. Quỹ tiền thưởng của người quản lý: **200.000.000** đồng.

IV. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.587.067.340
2	Phân phối các quỹ doanh nghiệp	
	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	200.000.000
	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	1.039.294.700
	Quỹ đầu tư phát triển	1.118.193.640
3	Tỷ lệ chia cổ tức 10% cho cổ đông	1.229.579.000

b. Kế hoạch năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	4.000.000.000
2	Phân phối các quỹ doanh nghiệp	
	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	200.000.000
	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	1.062.505.200
	Quỹ đầu tư phát triển	1.262.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức 12%/VĐL	1.475.494.800

V. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

- Để chuẩn bị cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026. Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú, kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN, cho phép Người đại diện phần vốn biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông là: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2026 (Công ty kiểm toán có tên trong danh sách được Bộ tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép kiểm toán cho các Công ty giao dịch trên thị trường chứng khoán).

VI. Ký hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

- Kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN, cho phép Người đại diện phần vốn biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông là:

+ Ủy quyền cho HĐQT biểu quyết, chỉ đạo Người đại diện theo pháp luật của công ty ký kết hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt năm 2027 và các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

+ Thời gian ủy quyền: Từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

VII. Sửa đổi điều lệ, các quy chế của công ty

- Kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN, cho phép Người đại diện phần vốn biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Có phụ lục kèm theo)

VIII. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Kết luận số 55-KL/ĐU ngày 17/3/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Nghị quyết số 06-26/NQ-HĐTV ngày 17/3/2026 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về công tác cán bộ. Kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN, cho phép Người đại diện phần vốn biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông về công tác cán bộ như sau:

1. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Long	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty	
2	Phạm Xuân Tú	Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty	
3	Nguyễn Thanh Tùng	UVBCH Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty	

2. Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Giang Tiến Duy	Phó phòng Kỹ thuật – Kế hoạch	
2	Nguyễn Đức Trung	Chuyên viên phòng TCHC	
3	Trần Danh Tuyên	Phó phòng Kỹ thuật – Kế hoạch	

IX. Thời gian đại hội

- Người đại diện phần vốn kính trình Hội đồng thành viên xem xét chấp thuận đề Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú tổ chức Đại hội đồng cổ đông vào lúc 07h00' ngày 15/4/2026.

Gửi kèm các tài liệu:

1. Dự thảo báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch, định hướng công tác năm 2026 của Hội đồng quản trị công ty.
2. Dự thảo báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Ban điều hành.
3. Dự thảo báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát.
4. Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty và các quy chế.
5. Chương trình chi tiết của đại hội.
6. Chương trình công tác năm của Người đại diện phần vốn.

Kính trình Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TCT ĐSVN (b/c);
- Ban KTKT, TCCB;
- Ban TCKT; QLHT, KHKD;
- HĐQT Công ty;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, KTKH.

**TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Quang Long



PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số: ~~41~~-CV-NDD ngày ~~20~~/3/2026)

1. Sửa đổi Điều lệ

TT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ a, “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; b) “<i>Luật Chứng khoán</i>” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; s) “<i>Cổ tức</i>” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;	a, “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; <i>Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025; Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.</i> b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; <i>Sửa đổi bởi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</i> s) “<i>Cổ tức</i>” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.”	Bổ sung các luật sửa đổi <i>Luật số 76/2025/QH15</i> <i>Luật số 03/2022/QH15</i> <i>Luật số 56/2024/QH15</i>
2	Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính Khoản 3. Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường	Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính Khoản 3. Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.	

	Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.		
	Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty Khoản 3: Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú có một (01) người đại diện pháp luật. + Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty	Khoản 3: Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú có một (01) người đại diện pháp luật. + Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. + <i>Trường hợp Công ty khuyết chức danh Giám đốc và đang trong thời gian kiện toàn, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định giao một (01) Phó Giám đốc Công ty phụ trách Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty để làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, thời gian giao quyền không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định giao quyền có hiệu lực và không tính vào thời gian giữ chức vụ nếu được bổ nhiệm.</i> + <i>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</i>	
3	+ Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.		
4	Điều 16. Quyền của cổ đông Khoản 3, điểm a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Điều 16. Quyền của cổ đông Khoản 3, điểm a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; <i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số</i>	Sửa đổi theo Luật 76, bổ sung khoản 4 điều 115 Luật Doanh nghiệp

		giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”.	
5	Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 2, mục a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 2, mục a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty.</i> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo Luật 76, bổ sung khoản 1 điều 141 Luật Doanh nghiệp

6	Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua Khoản 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. Khoản 1, Điểm d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Khoản 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua Khoản 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; <i>tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định:</i> Khoản 1, Điểm d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <i>trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</i> Khoản 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; <i>tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.</i>	<i>Bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15</i>
7	Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Khoản 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài	Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Khoản 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu	

	liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;	quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2025 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;	
8	Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</i>	Bổ sung các luật sửa đổi <i>Luật số 76/2025 /QH15</i> <i>Luật số 03/2022 /QH15</i> <i>Luật số 56/2024 /QH15</i>
9	Điều 38. Giám đốc Công ty	Điều 38. Giám đốc Công ty Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối	Bổ sung các luật

	Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;	tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	sửa đổi Luật số 76/2025/QH15 Luật số 03/2022/QH15 Luật số 56/2024/QH15
10	Điều 44. Ban Kiểm soát Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	Điều 44. Ban Kiểm soát Khoản 3, điểm a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung các luật sửa đổi Luật số 76/2025/QH15
11	Điều 50. Công khai thông tin Công ty Khoản 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần	Điều 50. Công khai thông tin Công ty “Khoản 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.”.	Sửa đổi theo Luật 76, bổ sung khoản 3 điều 176 Luật Doanh nghiệp
	và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.		
12	Điều 58. Báo cáo tài chính	Điều 58. Báo cáo tài chính năm,	

	năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên 4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.	sáu tháng, quý Bỏ khoản 4. Vì công ty đã hủy công ty đại chúng	
13	Điều 61. Tạm dừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh Khoản 2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	Điều 61. Tạm dừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh Khoản 2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	

2. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1	Tại các Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 12, Điều 14, Điều 20, có ghi Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc)	Đề nghị bỏ các ghi chú (Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc)	Sửa theo Điều lệ công ty
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ - Mục 1 khoản b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Điều 2. Giải thích từ ngữ - Mục 1 khoản b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; <i>Sửa đổi bởi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</i>	Bổ sung Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025
3	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Khoản 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc (Tổng Giám	Điều 12. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Khoản 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc	Sửa theo Điều lệ công ty

	đốc) và người quản lý khác trong Công ty. Thông qua tất cả các hợp đồng kinh tế trước khi giao Giám đốc thực hiện.	và người quản lý khác trong Công ty.	
4	Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị Khoản 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan."</i>	Bổ sung theo Luật 03

3. Sửa đổi qui chế Quản trị nội bộ

TT	Qui chế cũ	Sửa đổi	Lý do
1	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Sửa theo điều lệ công ty
2	Điều 26. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty 1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về	Điều 26. Công khai thông tin Công ty 1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	Sửa theo điều lệ công ty

chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; c) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty; d) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và thành viên Ban kiểm soát; đ) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty; g) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp. 2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây: a) Điều lệ Công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty; c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài. 4. Việc công bố thông
--	---

		tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.	
3	Điều 28. Báo cáo Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Điều 29. Giám sát Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.	Điều 28. Báo cáo Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Điều lệ công ty và các qui định của pháp luật. Điều 29. Giám sát Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Hiện công ty đã hủy công ty đại chúng, nên không phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước.

4. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Căn cứ, Điều, khoản	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;	